QUAN ĐIỂM VÀ CÁCH THỨC TIẾP CẬN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG CÁC DI SẢN KIẾN TRÚC

Ths. Kts. Nguyễn Xuân Trung

Khoa Kiến trúc-Đại học Bách Khoa-Đại học Đà Nẵng

Mail: Nxtrung@dut.udn.vn

1. Đặt vấn đề:

Quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh, tác động đa chiều đến nhiều đô thị trên thế giới và Việt Nam. Trong đó việc quản lý, bảo tồn và khai thác sử dụng các di sản kiến trúc có giá trị (bao gồm cả các công trình đã được công nhận là di tích và các công trình chưa được công nhận) tại các thành phố lớn đang là một thách thức lớn, đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành, nhiều cấp và cộng đồng cư dân đô thị.

Chung dòng chảy của văn minh nhân loại, sự quan tâm đến văn hóa truyền thống và các tài sản văn hóa ngày càng tăng lên. Các công trình Kiến trúc luôn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng, mang lại và lưu giữ bản sắc cho chính không gian nó tồn tại, chính vì vậy việc bảo tồn, gìn giữ và khai thác cách hợp lý để phát huy tốt giá trị của các di sản kiến trúc là công việc cần thiết, nhằm tạo động lực cho quá trình phát triển kinh tế, văn hóa xã hội một cách bền vững. Cách nghĩ này cũng phù hợp với "Mục tiêu phát triển bền vững" (SDG - Sustainable Development Goals) đây là lời kêu gọi của Liên Hợp Quốc đến tất cả các nước trên thế giới nhằm giải quyết những thách thức lớn mà nhân loại phải đối mặt, hướng đến một tương lai tốt đẹp và bền vững hơn cho tất cả mọi người.

Việc phân tích các lý thuyết trình bày sự phát triển của các cách tiếp cận khác nhau để tái sử dụng thích ứng các tòa nhà di sản theo thời gian và cho thấy vai trò của các lý thuyết trong việc thiết lập các chính sách bảo tồn đã và được áp dụng tại các quốc gia khác nhau. Đồng thời thông qua việc tìm hiểu các nội dung này cũng cho chúng ta cách nhìn nhận, đánh giá chính xác, khách quan hơn với các công tác công tác bảo tồn, trùng tu, phục dựng, đã và đang thực hiện.

2. Quá trình thay đổi quan điểm và cách thức tiếp cận

Trên thế giới, trong đó có nhiều quốc gia Châu Á (Singapo, Thái lan, Nhật Bản...) đã và đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống lý luận, giải pháp kỹ thuật và đặc biệt là ứng dụng công nghệ trong việc số hóa các công trình Kiến trúc có giá trị, phục vụ công tác

quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững.

Tại Việt nam, việc quản lý di sản hiện nay chủ yếu chỉ dựa vào Luật di sản văn hóa, trong khi luật này chỉ tập trung vào lãnh vực bảo tồn di tích (Preservation), chưa xây dựng pháp lý cho các giải pháp cụ thể cho việc phục hồi và tái thiết. Mỗi nước, mỗi nền văn hóa, mỗi địa phương, mỗi di sản kiến trúc có giá trị và đặc điểm riêng, chắc chắn cần phải áp dụng nhiều cách thức, quan điểm, tiếp cận, nghiên cứu để đưa ra giải pháp phù hợp với từng di sản kiến trúc cụ thể. Trong chuỗi tiếp biến lịch sử, từ cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 bắt đầu có những nghiên cứu, lý luận liên quan đến bảo tồn, phục hồi và thích ứng sử dụng, trải qua các kinh nghiệm ứng dụng thực tế trong công tác bảo tồn, phục dựng tại nhiều quốc gia khác nhau, đã có nhiều bài học là cơ sở để xây dựng những thiết chế pháp lý chung cho công tác bảo tồn di sản trên thế giới hiện nay.

Bảng 1. Các lý thuyết chính theo thời gian (1).

Các nhà lý luận	Thời gian	Nội dung
Violet-le-Duc (1814–1879)	Thế kỷ 19—sau Cách mạng Pháp	• Tiên phong trong phong trào phục hồi phong cách. • Tìm cách sử dụng thích hợp cho các tòa nhà di sản để tránh những thay đổi tiếp theo trong tương lai. • Phục hồi một tòa nhà di sản trong tình trạng hoàn chỉnh. • Chèn các yếu tố vật chất mới vào các tòa nhà di sản đối với phong cách ban đầu. • Sở hữu tất cả các tài nguyên giống như chủ sở hữu ban đầu.
George Gilbert Scott (1811–1878)	Thế kỷ 19	• Scott chia nguyên nhân xuống cấp của công trình làm 3 loại: sự phá hủy do tự nhiên, sự phá hủy do thay đổi, sự phá hủy do trùng tu quá mức. • Ông nhấn mạnh rằng bất kỳ yếu tố nào của các tòa nhà cổ cũng nên được bảo tồn và chỉ được sửa chữa khi thật sự cần thiết. Nếu việc sửa chữa là không thể tránh khỏi thì cần nghiên cứu và tôn trọng các tài liệu gốc.
John Ruskin (1819–1900)	Thế kỷ 19—Thời đại Victoria	• Chỉ trích cách tiếp cận Viollet-le-Duc về phục hồi phong cách. • Lãnh đạo phong trào bảo tồn (chống phục hồi). Tập trung vào việc chăm sóc hàng ngày của các tòa nhà di sản.
William Morris (1834–1896)	Thế kỷ 19—Thời đại Victoria—tín đồ của Ruskin	• Người theo dõi cách tiếp cận của Ruskin để bảo tồn các tòa nhà di sản. • Chỉ trích phục hồi phong cách.

		• Bảo tồn tác phẩm độc đáo của các nghệ sĩ trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. • Tập trung chủ yếu vào sửa chữa và bảo trì. • Mức độ thay đổi tối thiểu để làm cho một tòa nhà di sản trở nên thiết thực. • Bảo tồn các đặc điểm độc đáo quan trọng của tòa nhà di sản ngay cả khi chức năng thay đổi. Người sáng lập Hiệp hội Bảo vệ các Tòa nhà Cổ (SPAB), tổ chức lâu đời nhất trên thế giới liên quan đến việc bảo tồn các địa điểm lịch sử.
Camillo Boito (1836–1914)	Thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 - sự dung hòa phong trào của Viollet-le-Duc và Ruskin - nguồn cảm hứng cho các chính sách bảo tồn hiện đại	• Đi tiên phong trong phong trào phục hồi-bảo tồn bằng cách giải quyết cả hai cách tiếp cận của Viollet-le-Duc và Ruskin liên quan đến các tòa nhà di sản. • Giới thiệu ba lớp tuổi và nêu rõ mục đích chính của việc trùng tu là tôn trọng tất cả các lớp này. • Đề xuất các cách khác nhau để phân biệt giữa cũ và mới, như một yếu tố quan trọng trong việc khôi phục một tòa nhà di sản. • Các cấp độ can thiệp riêng biệt để giữ nguyên vẹn tất cả các lớp xác thực của một tòa nhà di sản. • Việc khôi phục các tòa nhà di sản thay đổi theo từng trường hợp và phải tôn trọng các đặc điểm đích thực và giá trị di sản của tòa nhà. • Bảo trì chu đáo có thể ngăn chặn phục hồi.
Alois Riegl (1858–1905)	Thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20	• Phân biệt giữa các hoạt động khôi phục và bảo tồn, dựa trên việc ưu tiên các giá trị khác nhau. • Bảo tồn tòa nhà di sản bằng cách xác định các giá trị của thời kỳ của nó vì mỗi tòa nhà di sản thuộc về một thời kỳ nhất định. • Việc sao chép là hợp lý nếu một tòa nhà di sản có thể làm mất đi các yếu tố trang trí trực quan của nó. • Bảo tồn thuần túy là không thể.
Hiến chương Athens 1931	Thế kỷ 20 - Tài liệu quốc tế đầu tiên về các chính sách bảo tồn di sản sau Thế chiến I	• Tài liệu quốc tế đầu tiên đề cập đến việc khôi phục các tòa nhà di sản cũng như phong trào bảo tồn hiện đại. • Phê phán phục hồi phong cách bằng cách đánh giá phong cách của tất cả các thời kỳ. • Hỗ trợ bảo trì và bảo tồn thường xuyên cũng như vĩnh viễn. • Bảo tồn một tòa nhà di sản và các tính năng đích thực và giá trị di sản của nó.

		• Khôi phục tòa nhà di sản khi tòa nhà bị mục nát hoặc phá hủy. • Cấu trúc đổ nát của một tòa nhà di sản phải được thay thế bằng các vật liệu có thể nhận dạng được. Coi phục hồi là một cách để giữ lại một tòa nhà di sản có thể sử dụng được; tuy nhiên, nó nên được nhận ra.
Cesare Brandi (1906–1988)	Thế kỷ 20	• Đi tiên phong trong phong trào phục hồi-bảo tồn hiện đại. • Trả lại một tòa nhà di sản về trạng thái ban đầu mà không đưa vào các vật thể nhân tạo hoặc loại bỏ các dấu hiệu mục nát. • Bảo tồn các giá trị lịch sử, chức năng và thẩm mỹ của một tòa nhà di sản. • Phục hồi chu đáo phải tôn trọng tòa nhà ban đầu và có thể nhận dạng được. • Tôn trọng niên đại ban đầu của tòa nhà di sản thông qua bảo tồn, không bắt chước phong cách nguyên bản và không loại bỏ các dấu hiệu mục nát, không che giấu tuổi thực của tòa nhà di sản. • Có ảnh hưởng trong việc phục hồi và thực hành bảo tồn và phát triển các chính sách bảo tồn quốc tế.
Hiến chương Venice (1964)	Hiến chương Quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu Di tích và Di chỉ (1964) Đại hội Quốc tế lần thứ hai các Kiến trúc sư và Kỹ thuật gia về Di tích lịch sử, Venice, 1964, được ICOMOS chấp nhận năm 1965.	• Tài liệu quốc tế bao trùm phong trào bảo tồn và trực tiếp giới thiệu tái sử dụng thích ứng như một cách bảo tồn tòa nhà di sản. • Bảo tồn một tòa nhà di sản được coi là một chiến lược để làm cho tòa nhà trở nên thiết thực. • Xem xét tính toàn vẹn kiến trúc và tính xác thực lịch sử của một tòa nhà di sản.
Hiện nay nhiều nước trên thế giới dựa trên các quy định chung của UNESCO đã xây dựng riêng, với nội dung chi tiết và phù hợp với điều kiên riêng của mình: ICOMOS Canada và ICOMOS New Zealand đã thông qua Hiến chương Appleton (1983) và Hiến chương Aotearoa (1992). *Tại Nhật Bản "Tài liệu Nara về tính xác thực"(1994) có xu huớng mở rộng Hiến chương Venice bằng cách đưa ra các điều khoản về sự đa dạng văn hóa.*		

Nội dung trên cho chúng ta thấy đã có rất nhiều quan điểm và cách thức tiếp cận thậm chí là đối nghịch nhau đã diễn ra trong công tác bảo tồn di sản Kiến trúc trên thế giới. Các lý thuyết trên có thể khác nhau về quan điểm tiếp cận nhưng đều chung quan điểm là bằng nhiều cách đưa ra các mức can thiệp khác nhau để tái sử dụng công trình một cách thích ứng với từng điều kiện cụ thể, coi trọng giá trị nhiều mặt của di sản trong công tác bảo tồn, đặc biệt là tính nguyên bản của công trình. Đồng thời nội dung các lý

thuyết cũng cho ta thấy sự thay đổi quan điểm ưu tiên bảo tồn các công trình Kiến trúc dựa trên cơ sở ban đầu là giá trị công trình chuyển sang giá trị của của công nghệ và nhu cầu của người sử dụng. Kể từ sau khi Hiến chương Athens ra đời và đặc biệt là Hiến chương Venice 1964, các nước đã bắt đầu có những tiêu chí chung trong công tác bảo tồn di sản. Điều đó cũng cho thấy việc hợp tác quốc tế và chia sẻ kinh nghiệm là điều cần thiết để phát triển, tiêu chí, duy trì các tiêu chuẩn về quan điểm, phương pháp và công nghệ bảo tồn. Để đạt được mục tiêu đó, cần khuyến khích các hội nghị, hội thảo quốc tế, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, học thuật thông qua các cuộc họp quốc gia và khu vực. Những điều này sẽ tạo cơ hội cho việc chia sẻ thông tin thường xuyên về sự đa dạng của các phương pháp tiếp cận và kinh nghiệm diễn giải ở các khu vực và nền văn hóa khác nhau.

Trong bài viết của TS. Tô Kiên đăng trên tạp chí Quy hoạch, Kiến trúc (2)(3), và TS. Phạm Hùng Cường trên Tạp chí Kiến trúc năm 2022 (4) thì hiện nay trên thế giới có nhiều cách thức bảo tồn, có thể phân làm 4 cách sau:

- Cách 1) Bảo tồn nguyên trạng: Đề cao tính gốc, xác thực (authenticity);
- Cách 2) Bảo tồn trên cơ sở kế thừa: Bảo tồn và kế thừa những giá trị gốc cốt lõi nhất nhưng cần đảm bảo di sản có thể phù hợp với xã hội đương đại (adaptivity and appropriate);
- Cách 3) Bảo tồn gắn liền với phát triển, khai thác: Đề cao việc làm thế nào để di sản sống và phát huy được tác dụng trong bối cảnh đương đại và tương tác nhiều với cộng đồng;
- Cách 4) Kết hợp các cách trên theo hoàn cảnh thực tiễn và quan điểm: Có thể kết hợp giữa các nhóm 1 và 2 hoặc giữa 1 và 3. Tùy theo loại hình di sản và điều kiện phát huy giá trị. Đây cũng chính là cách theo xu hướng bảo tồn thích ứng mà một số trường hợp bảo tồn của quốc tế đã áp dụng.

Đối với cách thức thứ nhất: là bảo tồn nguyên trạng để lưu giữ những giá trị về Kiến trúc, nghệ thuật, lịch sử như một loại hình bảo tàng, để lưu giữ và giáo dục cho các thế hệ sau. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với luật Di sản văn hóa (2001-sửa đổi bổ sung 2009) và tinh thần của các Hiến chương, Công ước quốc tế như: *Văn kiện Nara* (1994), *Nguyên tắc chỉ đạo việc giáo dục và đào tạo về bảo vệ di tích, cụm công trình và di chỉ của ICOMOS* (1993), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (1972) của UNESCO, v.v... Bảo tồn nguyên trạng ở đây được hiểu là cần giữ

nguyên trạng thái khi nó được phát hiện, được xếp hạng di tích, được luật hóa. Đối với trùng tu tôn tạo, "nguyên tắc cơ bản nhất được áp dụng là 3R – Giữ lại (Retention) tối đa, Trùng tu (Restoration) tinh tế và Sửa chữa (Repair) cẩn trọng" (3). Tuy nhiên nếu áp dụng một cách cứng nhắc, coi trọng việc bảo tồn và gìn giữ nguyên trạng thì việc phát huy giá trị của các di tích sẽ rất hạn chế. Rất nhiều di sản Kiến trúc hiện nay đang được bảo tồn theo cách thức này đặc biệt là các di tích có công năng sử dụng chuyên biệt, gần như chỉ được sử dụng vào 1 vài thời điểm nhất định dẫn đến tình trạng xuống cấp rất nhanh. Ở một số công trình tín ngưỡng có tình trạng "hương tàn bàn lạnh", cỏ cây mọc um tùm sau những ngày tổ chức lễ hội.

Với cách tiếp cận thứ hai: Một công trình khi được xây dựng sẽ đáp ứng yêu cầu công năng với vật liệu, kỹ thuật xây dựng và quan điểm về tôn giáo, tín ngưỡng, thẩm mỹ tại thời điểm công trình đó được tạo dựng. Trải qua thời gian dài, tất nhiên xã hội cũng có nhiều thay đổi khác nhau, thay đổi từ tự thân của di tích khi phủ lên lớp áo thời gian, đến thay đổi của cảnh quan sân vườn và cảnh quan khu vực. Công tác, đánh giá giá trị và tu bổ tôn tạo, trong đó tôn trọng tối đa được các yếu tố gốc là quan trọng, tuy nhiên một số công trình vẫn có thể bổ sung, thay đổi chức năng sử dụng một phần hoặc quy hoạch, xây dựng mở rộng, bổ xung thêm các công trình phụ trợ khác đáp ứng các công năng sử dụng khác (bãi xe gần lối vào công trình, khu bán hàng lưu niệm, nhà vệ sinh công cộng...). Nhiều nước trên thế giới, trong đó tại Anh năm 2002 Hội đồng Tuyển chọn của Quốc hội đã xem xét vai trò của các công trình lịch sử trong việc cải tạo đô thị (Parliamentary Select Committee looking into the Role of Historic Buildings in Urban Regeneration). Họ đã đưa ra cùng quan điểm tương đồng về vai trò của các công trình lịch sử, đồng thời đề xuất định hướng là các công trình này không nên được bảo tồn theo kiểu bảo tàng hóa, di tích hóa, mà cần trở thành các "di tích sống"(living heritage). "Trong trường hợp chức năng gốc không còn tồn tại hoặc không còn phù hợp thì cần bổ sung vào những công năng sử dụng mới theo hướng thích ứng với công năng đã có một cách phù hợp". Việc công trình HĐND TP Đà Nẵng được cải tạo và xây mới bổ sung một phần, thiết kế lại không gian bên trong để chuyển đổi thành Bảo tàng Đà Nẵng là một trong rất nhiều ví dụ thực tế trong việc tiếp cận thích ứng về sự cộng sinh giữa giá trị mới và cũ có thể tham khảo.

H1. Phương án thiết kế cải tạo Bảo tàng Đà nẵng của Công ty studioMilou Singapore

Với cách tiếp cận thứ 3 "mềm dẻo" hơn tuy nhiên nếu quá coi trọng yếu tố kinh tế thì rất dễ rơi vào tình trạng tùy tiện, phá vỡ, thậm chí làm mất đi giá trị của di tích nếu không được quản lý tốt. Chùa Hương là di tích đăc biệt quốc gia cũng từng bị xâm hại, Vịnh Hạ Long không dưới một lần nhận cảnh báo của UNESCO bởi các hạng mục kinh tế, du lịch phát triển ồ ạt làm thay đổi cảnh quan, môi trường nơi đây. Tại Thái Lan, việc phát triển du lịch nhanh chóng, cố đô Ayutthaya-di sản văn hóa thế giới nổi tiếng của Thái Lan- khi hoạt động du lịch quá mức cũng có nhiều ảnh hưởng có thể làm biến đổi các giá trị căn bản của cố đô cổ kính này.

Quan điểm thứ 4 cũng là quan điểm mà nhiều nước đã và đang áp dụng, thể hiện nhiều ưu điểm và mang lại nhiều thành công trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. Tại Hội An rất nhiều di tích dựa trên cơ sở bảo tồn nguyên trạng công trình nhưng vẫn lồng ghép vào không gian những chức năng sử dụng mới (Bảo tàng, trung tâm hướng dẫn du khách...), những công trình có sân lớn có thể tăng thêm các hoạt động văn hóa, nghệ thuật...góp phần bổ sung nhiều chức năng sử dụng cho không gian, tối ưu hóa các hoạt động tại di tích mà vẫn giữ được sự vẹn nguyên trong công tác bảo tồn, làm cho công trình thực sự "sống" (living heritage) trong các hoạt động thường nhật, không chỉ gói gọn trong các công năng chủ đích được xác định ở quá khứ mà trong cùng một không gian cần phát huy, nghiên cứu bổ sung thêm các chức năng, công năng mới phù hợp, để di sản không chỉ dừng lại ở giá trị của di tích mà còn là không gian sinh hoạt văn hóa của xã hội đương đại, có được như vậy thì công tác bảo tồn mới thật sự bền vững.

3. Đánh giá giá trị và phân loại công trình kiến trúc có giá trị:

Trong thực tế để áp dụng cách thức, quan điểm nào để đưa ra giải pháp ứng xử phù hợp với công trình cần dựa vào việc đánh giá chính xác giá trị của công trình trước khi tiến hành các bước tiếp theo. Tại Tp Đà nẵng đã có những công trình đã được xếp hạng ở nhiều cấp độ khác nhau, nội dung các luật, cơ chế chính sách và nguồn kinh phí hầu hết được tập trung hướng đến, tuy nhiên cũng cần có các tiêu chí để áp dụng cho các trường hợp những công trình chưa được xếp hạng nhưng có giá trị kiến trúc, nghệ thuật, lịch sử. Cân bằng giữa bảo tồn và phát triển luôn là vấn đề khó khăn trong bối cảnh đô thị hóa đang diễn ra nhanh, quỹ đất đô thị ngày càng hạn hẹp và ứng xử như thế nào với những di sản chưa có danh hiệu này là bài toán nhiều thách thức. Riêng đối với di sản Kiến trúc một khi đã mất đi thì khó có thể tìm lại được.

Trên thế giới: Năm 2007, Hội KTS Nhật Bản đã đưa ra một hướng dẫn trong có có năm giá trị cơ bản để đánh giá giá trị các công trình, cũng như đưa ra lời khuyên về việc soạn thảo các kế hoạch bảo tồn và sử dụng các công trình đó trong tương lai (5). Các giá trị đó bao gồm:

a) Giá trị lịch sử;

b) Giá trị văn hóa nghệ thuật;

c) Giá trị kỹ thuật;

d) Giá trị cảnh quan/môi trường;

e) Giá trị xã hội.

Tại Việt Nam trong nội dung *Điều 13 Luật Kiến trúc 2019* và *Điều 3 Nghị định 85/2020/NĐ-CP Tiêu chí đánh giá công trình kiến trúc có giá trị* như sau:

*Tiêu chí về giá trị nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan, gồm các yếu tố sau:

a) Tiêu biểu cho một loại hình kiến trúc, phong cách kiến trúc;

b) Giá trị nghệ thuật kiến trúc của bản thân công trình và tổng thể không gian trong phạm vi khuôn viên công trình;

c) Giá trị gắn liền với cảnh quan, đóng góp vào cảnh quan chung đô thị, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên;

d) Giá trị về kỹ thuật, công nghệ xây dựng, sử dụng vật liệu xây dựng.

*Tiêu chí về giá trị lịch sử, văn hóa, gồm các yếu tố sau:

a) Tiêu biểu cho giai đoạn lịch sử;

b) Gắn với đặc điểm, tính chất tiêu biểu về văn hóa của địa phương;

c) Niên đại xây dựng, tuổi thọ công trình.

Những năm 1930, trong các nghiên cứu của mình Kiến trúc sư người Ý Gustato Giovannoni lần đầu tiên đã đề cập đến khái niệm "Urban Heritage", ông không chỉ nghiên cứu công trình kiến trúc lịch sử với giá trị riêng biệt mà còn xem xét nó trong mối quan hệ với cảnh quan, các cấu trúc và không gian cấu thành của đô thị nhằm mục đích tránh kết quả bảo tồn trở thành "bảo tàng hóa". Cùng với đó, nhiều nước trên thế giới hiện nay đều có xu hướng không chỉ quan tâm đến một công trình hay một nhóm công trình riêng lẻ (yếu tố vật thể kiến trúc) mà luôn cố gắng bảo tồn cả yếu tố gắn kết như khung cảnh kiến trúc, môi trường đô thị – yếu tố hỗ trợ, bảo tồn và tôn vinh giá trị toàn vẹn của di sản. Từ đó di sản không chỉ tồn tại mà còn "sống" được trong bối cảnh đô thị hiện đại, góp phần xây dựng một đô thị có bản sắc, giàu văn hoá, hấp dẫn, phát triển thời gian qua.

Nhìn trong tổng thể lớn hơn tại Tp Đà Nẵng, vùng nội đô với rất nhiều công trình Kiến trúc có giá trị trong đó nhiều công trình Kiến trúc Pháp, các Đình, Chùa...đã triển khai khảo sát, nghiên cứu, và có bước đã nhiều kết quả đáng ghi nhận, trong đó nhiều công trình đã được công nhận là di tích ở các cấp độ khác nhau. Tuy nhiên phần lớn nội dung vẫn đang dừng lại ở việc nghiên cứu, đánh giá từng công trình riêng lẻ. Rất cần có những nghiên cứu rộng hơn trong bối cảnh không gian kiến trúc cảnh quan và xác định giá trị của những công trình này trong lịch sử hình thành, phát triển kinh tế, văn hóa và vai trò của di sản đó trong việc tạo lập bản sắc, diện mạo của thành phố ngày hôm nay.

Tại vùng ngoại ô của thành phố, đặc biệt là Huyện Hòa Vang, các công trình xây dựng trước đây được người dân địa phương tạo dựng ngay trong sinh hoạt, thân thuộc, gần gũi và gắn kết hữu cơ với môi trường cảnh quan xung quanh. Quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị đã tác động làm nhiều làng quê thay đổi ít nhiều. Hôm qua là thôn, là làng, là xóm, hôm sau là phố, là phường. Cảnh quan gắn liền với di sản, đặc biệt di sản Kiến trúc rất mong manh trước sự cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường, đang dần bị mai một, nhiều công trình dù được bảo tồn rất tốt vẫn như lạc lõng giữa nơi mà nó tồn tại. Trong các không gian cảnh quan vô cùng đẹp và bình dị đó có nhiều công trình có giá trị kiến trúc văn hóa cao, cũng chứa đựng trong nó nhiều giá trị lịch sử về văn hóa, sinh hoạt con người nơi đây. Có nhiều nhà ở Cổ, vẫn đang được sử dụng liên tục từ nhiều thế hệ này sang thế hệ khác hàng trăm năm (Các nhà ở cổ tại thôn Phong Nam, nhà Cổ Thích Thiện Đường tại thôn Thái Lai...) nơi lưu giữ nếp sống xưa, nếu được nghiên cứu và tổ chức khoa học sẽ là phần bổ sung rất tốt cho các di tích đã được

công nhận, góp phần đa dạng trong việc khai thác một cách phong phú các nội dung, chương trình tham quan du lịch. Trong không gian kiến trúc được tồn tại, lưu truyền này là một chuỗi tiếp biến về lịch sử, đời sống sinh hoạt của người dân, nó không chỉ chứa đựng giá trị từ thời điểm được xây dựng mà cần nghiên cứu các đặc điểm về kiến trúc nghệ thuật, công năng được bổ sung trong cả quá trình sử dụng đến hiện tại, là một chuỗi giá trị tồn tại và thích ứng

Một thực tế ở nước ta là hiện nay Nhà nước mới chỉ công nhận được một số nhỏ các di sản là di tích và được quản lý theo luật Di sản văn hóa. Tuy nhiên bất kỳ di sản Kiến trúc nào cũng tồn tại trong một không gian cảnh quan xung quanh, đặc biệt theo quan điểm của tác giả, không chỉ các công trình có giá trị trong nội thị, Tp cũng cần thực hiện sớm việc rà soát và đánh giá nghiên cứu bổ sung đồng thời các giá trị về cảnh quan chung, đặc biệt là cảnh quan các vùng nông thôn đặc trưng, cảnh quan các làng cổ. Nhằm đề xuất cơ chế, giải pháp khai thác, gìn giữ và bảo tồn trước sức ép rất lớn của quá trình đô thị hóa.

Việc đánh giá giá trị, bảo tồn kiến trúc công trình và bảo tồn quy hoạch, cảnh quan, cần có sự kết nối – liên quan chặt chẽ với nhau, nhất là đối với những công trình quan trọng góp phần nhận diện và tạo dựng bản sắc cho đô thị.

4. Lời kết.

Chắc chắn sẽ có nhiều khó khăn do vẫn còn phải hoàn thiện, bổ sung về cơ chế quản lý, quyền sở hữu, kinh phí hỗ trợ cho các công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản Kiến trúc...cần có những đánh giá, nghiên cứu có khoa học để có cơ chế quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ người dân giữ gìn,tu bổ và khai thác trong một tổng thể chung bao gồm cả cảnh quan, di tích và cả những công trình có giá trị khác. Quan điểm và cách thức tiếp cận phù hợp là thật sự cần thiết trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản một cách thích ứng bền vững.

Và công việc quan trọng, cũng là nội dung đã được đề cập ở phần trên là công tác quy hoạch, tổ chức kết nối và khai thác giá trị của các di tích trong kịch bản tổng thể kết hợp giữa du lịch, dịch vụ, các hoạt động giáo dục và đời sống sinh hoạt của người dân. Với mỗi một di sản kiến trúc là một câu chuyện về lịch sử, văn hóa, tinh thần vô cùng giá trị, và tôi cũng tin rằng nếu được kết nối trong một kịch bản tốt sẽ có nhiều câu chuyện vô cùng thú vị được viết lên bằng những mảnh ghép với giá trị độc đáo, duy nhất

và thú vị này. *"Việc bảo vệ, thể hiện và quản lý một địa điểm phải trù tính để có sự tham gia của những người có những mối liên kết đặc biệt với địa điểm cónhững ý nghĩa đặc biệt đối với họ, hoặc những người có trách nhiệm về xã hội, tinh thần hoặc về văn hóa ở một phương diện nào đó đối với địa điểm."* Điều 12-Hiến chương Burra (6).

Tài liệu tham khảo:

1. Yazdani Mehr, Shabnam. 2019. "Analysis of 19th and 20th Century Conservation Key Theories in Relation to Contemporary Adaptive Reuse of Heritage Buildings" Heritage *2, no. 1: 920-937. https://doi.org/10.3390/heritage2010061.*

2. Tô Kiên (2018). Tạp chí Kiến trúc, số 10-2018

3. Tô Kiên (2019). Phát triển và cải tạo đô thị gắn với bảo tồn di sản: Kinh nghiệm quốc tế và Nhật Bản. Tạp chí Quy hoạch đô thị. Số 35-36. 2019

4. Phạm Hùng Cường (2022). "Bảo tồn di sản trên quan điểm bảo tồn thích ứng". Tạp chí Kiến trúc, số 9-2022.

5. Yamashita, S. (2010). Cultural heritage in the age of globalization: A pespective from the anthropology of cultural resource. Paper presented at the Cultural Resource Studies Asian, Linkage Building Seminar 2010, Kanazawa University, Japan.

6. Hiến chương Burra được ICOMOS Australia, là Uỷ ban quốc gia Australia thuộc Hội đồng quốc tế các di tích và di chỉ (ICOMOS), thông qua ngày 19-8-1979 tại Burra ở Nam Australia.